TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Liên;
2. bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh H, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức P trình bày: Anh và chị Đỗ Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ tháng 01 năm 2011, đến ngày 28/9/2011 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình sa sút, chị N không chia sẻ cùng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh P và chị N đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2012 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn

quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh P đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị N.

Về con chung*:* Anh P khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 05/12/2011, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu P ở với anh P. Anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Nguyễn Đức P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ, triệu tập chị Đỗ Thị N đến Toà án để viết bản khai nhưng chị N không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của chị N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh P đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị N và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P. Ghi nhận sự tự nguyện của anh P về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị N không có mặt tại Tòa án mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Chị N cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P và chị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức P và chị Đỗ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo anh P, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Kết quả xác minh ngày 08/12/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh P là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Như vậy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh P và chị N luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh P được ly hôn chị N là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh P khai, vợ chồng có vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 05/12/2011. Anh P cũng xuất trình cho Tòa án bản sao chứng thực giấy khai sinh của cháu P, trong đó xác định cháu P là con chung của chị N và anh P. Mặt khác, cháu P được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu P là con chung của anh P và chị N. Anh P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu P ở với anh P. Để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập của cháu, do đó giao cháu P cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh P về việc không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản: Anh P không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức P và chị Đỗ Thị N.

2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 05/12/2011 là con chung của anh P và chị N. Giao cháu P cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh P.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* anh P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004395 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh P, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Chung Nguyễn Thị Liên Trịnh Thanh Hương